

Số: *07* /2010/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày *12* tháng 4 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng  
lệ phí địa chính, lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng  
nước dưới đất, nước mặt, xả nước thải**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2002/TT-BTC; số 184/2009/TT-BTC ngày 15/9/2009 quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 27/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2010/NQ-HĐND ngày 24/3/2010 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 168/TTr-STNMT ngày 23/10/2009 về việc quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí trong lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** - Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí địa chính, lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, nước mặt, xả nước thải theo phụ lục chi tiết đính kèm.

- Quản lý, sử dụng phí thu được như sau:

+ Nộp ngân sách Nhà nước 80% số tiền thu được;

+ Đơn vị trực tiếp thu phí sử dụng 20% số tiền phí thu được.

**Điều 2.** Thời gian thực hiện từ ngày 01/4/2010.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT, KTTH<sup>T</sup>.

A.15

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Nguyễn Bật Khách**

**PHỤ LỤC CHI TIẾT**  
**(Kèm theo Quyết định số 67 /QĐ-UBND ngày 12 / 4 /2010**  
**của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

STT	Lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu lệ phí (đ)
1	Cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất	đ/giấy phép	100.000
2	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	đ/giấy phép	100.000
3	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.	đ/giấy phép	100.000

*Trường hợp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép mức thu bằng 50% mức thu đầu.*

STT	Lệ phí địa chính	Đơn vị tính	Mức thu lệ phí (đ)
1	<b>Mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc TP Hưng Yên.</b>		
-	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đ/giấy	25.000
-	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	đ/lần	15.000
-	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	đ/lần	10.000
-	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất.	đ/lần	20.000
-	Mức thu áp dụng đối với hộ gia đình cá nhân tại các khu vực khác bằng 50% mức thu áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường thuộc TP Hưng Yên, không thực hiện thu lệ phí địa chính khi cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với hộ gia đình không thuộc các phường của TP Hưng Yên		
2	<b>Mức thu áp dụng đối với tổ chức.</b>		
-	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đ/giấy	100.000
-	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	đ/lần	20.000
-	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	đ/lần	20.000
-	Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận tính pháp lý của các giấy tờ nhà đất	đ/lần	20.000